TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MANG THÍT** TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/DS-ST
Ngày: 20-6-2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng hợp tác
và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Trương Tấn Đồng**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Thành Tam**
2. Ông **Nguyễn Văn Phẩm**

-Thư ký phiên toà: Ông **Nguyễn Hoài Bảo**, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít tham gia phiên tòa: Bà **Dương Thị Ngọc Hương** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2021/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2021.về tranh chấp hợp đồng hợp tác và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST –DS, ngày 22 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1953 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú ấp V, xã Q, huyện V, tỉnh V

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ cư trú ấp V, xã Q, huyện V, tỉnh V.

2. Bị đơn: Ông Bùi Hữu M, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú ấp V, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trương Ngọc S, sinh năm 1982.

Địa chỉ cư trú số 67/28E, P, Phường 4, thành phố V, tỉnh V (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công Ty Trách nhiệm Hữu hạn F

Địa chỉ trụ sở: Tổ 13, Ấp V, xã C, huyện M, tỉnh V

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đinh Thị Diễm M – Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

3.2. Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh V (có đơn vắng mặt).

Địa chỉ trụ sở: K, thị trấn C, huyện M, tỉnh V.

3.3 Ông Hà Văn L, sinh năm 1967 (có đơn vắng mặt).

3.4 Bà Bùi Thị L, sinh năm 1964 (có đơn vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú ấp V, xã C, huyện M, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/12/2021; đơn khởi kiện bổ sung các ngày 23/02/2022; ngày 15/6/2022 của ông Nguyễn Văn X và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của ông Nguyễn Văn P trình bày: Vào năm 2002, ông X và ông M xin phép hoạt động tuyến đò ngang đưa rước khách ngang sông Cổ C từ ấp Vàm L, xã C, huyện M, tỉnh V sang xã T, huyện C, tỉnh B và ngược lại. Ông X và ông M cùng lập thủ tục và cùng đầu tư kinh phí (trong đó ông X làm đơn xin phép, nộp tiền thuê Đoạn đường sông số 11 số tiền 6.000.000 đồng, tiền đưa cho ông M làm nhà chờ, đường dẫn…) xin thành lập mở bến khách V tại ấp V, xã C ,huyện M (gọi tắt là bến V) và đến ngày 30/6/2004 ông X và ông M được Sở giao thông vận tải tỉnh V cấp phép mở bến hoạt động (Quyết định số:02/QĐ-SGTVT ngày 30/6/2004). Sau khi được cấp phép thì ông X và ông M cùng hoạt động đưa rước khách (mỗi người một phà riêng) từ bến V sang bến Đ thuộc xã T, huyện C.

Đến năm 2009, theo quy định của pháp luật thì đăng ký hoạt động bến khách V chỉ được một người đại diện đứng tên (chủ bến) nên ông X và ông M thỏa thuận để cho ông M đại diện đứng tên (chỉ thỏa thuận bằng lời nói) giấy phép hoạt động và ông M đứng tên giấy phép từ năm 2009 đến ngày 29/01/2020. Trong thời gian này thì ông X và ông M cùng hoạt động đưa rước khách, mỗi người hoạt động 7,5 ngày/tháng.

Sau khi giấy phép hết hạn, ông M không lập thủ tục gia hạn mà ông M đã lập hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác khách ngang sông bến V cho Công ty TNHH F vào ngày 12/3/2021, với giá là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) và đến ngày 27/4/2022 thì Công ty TNHH F đã được Ủy ban nhân dân huyện M cấp phép hoạt động (theo Quyết định số: 1655/QĐ-UBND ngày 27/4/2022).

Ông X cho rằng bến khách V là do ông và ông M cùng đầu tư thành lập và cùng hoạt động, nhưng ông M đã tự ý chuyển nhượng cho Công ty TNHH F mà không có sự đồng ý của ông là xâm phạm đến quyền lợi của ông. Ngoài ra, việc tranh chấp giữa ông với ông M và Công ty TNHH F Tòa án đang giải quyết. Nhưng vào ngày 27/4/2022, Ủy ban nhân dân huyện M lại cấp phép hoạt động bến V cho Công ty TNHH F là chưa phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, ông X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Công nhận cho ông và ông M được quyền khai thác, hoạt động chung tuyến đò ngang sông C, bến V tại ấp V, xã C, huyện M, tỉnh V.

2. Vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác khách ngang sông lập ngày 12/3/2021 giữa ông M và Công ty TNHH F, về việc ông M chuyển nhượng quyền khai thác khách ngang sông (bến V) cho Công ty TNHH F.

3. Hủy Quyết định số: 1655/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của Ủy ban nhân dân huyện M, về việc công bố hoạt động bến khách ngang sông.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 18/4/2023 và tại phiên tòa, ông X thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

1. Không yêu cầu công nhận cho ông và ông M được quyền khai thác, hoạt động chung tuyến đò ngang sông C (bến V).

2. Không yêu cầu vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác khách ngang sông lập ngày 12/3/2021 giữa ông M và Công ty TNHH F.

3. Không yêu cầu hủy Quyết định số: 1655/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của Ủy ban nhân dân huyện M.

4. Yêu cầu công nhận bến khách ngang sông V (bến V) tại ấp V, xã C, huyện M, tỉnh V (theo Quyết định số: 02/QĐ-SGTVT ngày 30/6/2004 của Sở giao thông vận tải tỉnh V) là tài sản chung của ông và M.

5. Yêu cầu ông M phải có nghĩa vụ chia (trả) cho ông số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Tại bản tự khai ngày 14/6/2022 và đơn yêu cầu phản tố ngày 05/10/2022 của ông Bùi Hữu M và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của anh Trương Ngọc S trình bày: Từ trước đến nay ông M không có ký kết bất cứ quan hệ hợp đồng hợp tác nào với ông X trong việc lập và khai thác bến V, bến V là do cá nhân ông M đầu tư trên 03 tỷ đồng để thành lập nên ông M không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông X. Ngoài ra, ông M cho rằng trong giai đoạn từ ngày 23/11/2017 đến ngày 17/12/2020 ông X vẫn sử dụng bến V để hoạt động đưa rước khách 7,5 ngày/tháng nhưng không được sự đồng ý của ông M. Ông X vẫn tiếp tục gây rối, đuổi người đánh khách gây thiệt hại cho ông M. Do đó ông M có yêu cầu phản tố yêu cầu ông X bồi thường thiệt hại (7,5 ngày/tháng x 2.200.000 đồng/ngày) x (từ ngày 23/11/2017 đến ngày 17/12/2020) 36 tháng = số tiền 594.000.000 đồng.

Tại bản ghi ý kiến ngày 05/10/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty Trách nhiệm Hữu hạn F trình bày: Vào ngày 12/3/2021, Công ty Trách nhiệm Hữu hạn F có nhận chuyển nhượng bến V từ ông M và việc chuyển nhượng này là hợp pháp. Sau khi nhận chuyển nhượng thì công ty đã thành lập bến V ở vị trí mới. Hiện nay ông X yêu cầu vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng thì công ty không đồng ý và công ty có yêu cầu ông X phải bồi thường các khoản chi phí đi lại, ăn uống, thuê luật sư … (không ghi cụ thể yêu cầu) cho công ty.

Tại biên bản ghi lời khai của đương sự ngày 01/4/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Bùi Thị L và ông Hà Văn L trình bày: Ông bà là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất số 102, diện tích 3568,3 m^2, loại đất trồng cây lâu năm. Từ năm 2002 đến năm 2020, ông bà có cho ông M thuê một phần thửa đất số 102 để làm bến V. Từ khi hợp đồng thuê đất hết hạn (năm 2020) đến nay thì ông bà không cho thuê đất nữa.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình tố tụng, Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời, đề nghị bổ sung quan hệ pháp luật tranh chấp bồi thường thiệt hại tài sản ngoài hợp đồng. Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Các đương sự tranh chấp hợp đồng hợp tác và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng là tranh chấp về hợp đồng dân sự và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; bị đơn ông M có nơi cư trú tại xã C, huyện M, tỉnh V. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Mang T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại văn bản số: 47/SGTVT-QLKCCL ngày 12/01/2022 của Sở giao thông vận tải tỉnh V xác định:

" 2. Về nội dung đăng ký hoạt động, người đại diện theo pháp luật (chủ bến, thời hạn hoạt động.

2.1 Giai đoạn từ năm 2002 đến năm đến năm 2009

- Từ năm 2002 đến năm 2005:

... Với những hồ trên trên thì việc mở bến khách ngang sông tại V, xã C, huyện M đều có ông Nguyễn Văn X và ông Bùi Hữu M đăng ký tham gia và hai người đều là đại diện theo pháp luật để hoạt động trong thời gian này.

- Từ năm 2005 đến năm 2009:

... Giai đoạn này ông Nguyễn Văn X và ông Bùi Hữu M không thực hiện các thủ tục đề nghị xin phép mà vẫn hoạt động đến năm 2009".

Như vậy, có cơ sở xác định bến V có nguồn gốc là do ông X và ông M cùng đầu tư thành lập từ năm 2002, nhưng không xác định mỗi người đầu tư bao nhiêu.

Ngoài ra, tại bản tự khai ngày 14/6/2022 và đơn yêu cầu phản tố ngày 01/10/2022 ông M trình bày từ trước đến nay ông không có ký kết bất cứ thỏa thuận, hợp đồng nào với ông X và thực tế ông X vẫn hoạt động 7,5 ngày/tháng hoạt động đến ngày 17/12/2020. Dựa vào vào các lời khai này có căn cứ xác định bến V không phải là tài sản của cá nhân ông M.

Do xác định bến V có nguồn gốc là do ông X và ông M cùng đầu tư thành lập và không xác định được mỗi người đầu tư bao nhiêu. Đồng thời, ông M cũng không chứng minh được bến V là tài sản của cá nhân ông. Nhưng vào ngày 12/3/2021, ông M đã chuyển nhượng bến V cho công ty TNHH F, với giá 200.000.000 đồng mà không có sự đồng ý của ông X là xâm phạm đến quyền lợi của ông X. Vì vậy xét việc ông X yêu cầu công nhận bến V là tài sản chung của ông với ông M và yêu cầu ông M phải có nghĩa vụ chia (trả) cho ông số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại các Điều 209; 210 và Điều 504 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

[2.2] Xét việc ông M cho rằng từ ngày 23/11/2017 đến ngày 17/12/2020 (36 tháng), ông X có hành vi gây rối tại khu vực bến, đánh người đuổi khách gây thiệt hại cho ông số tiền 594.000.000 đồng. Nhưng ông X không thừa nhận, ông Mai cũng không chứng minh được ông có thiệt hại thực tế số tiền 594.000.000 đồng. Do đó xét việc ông M có yêu cầu phản tố yêu cầu ông X bồi thường thiệt hại cho ông số tiền 594.000.000 là không có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Đối với Công ty TNHH F, trong quá trình giải quyết vụ án có yêu cầu độc lập nhưng không trình bày yêu cầu cụ thể. Tòa án đã có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ

sung đơn yêu cầu độc lập nhưng Công ty TNHH F không sửa đổi, bổ sung nên thuộc trường hợp từ bỏ yêu cầu nên không xét.

[2.4] Đối với việc ông X thay đổi yêu cầu khởi kiện về việc:

Không yêu cầu công nhận cho ông và ông Mai được quyền khai thác, hoạt động chung tuyến đò ngang sông C, bến V, xã C, huyện M, tỉnh V.

Không yêu cầu vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác khách ngang sông lập ngày 12/3/2021 giữa ông M và Công ty TNHH F, về việc ông Mai chuyển nhượng quyền khai thác khách ngang sông (bến V) cho Công ty TNHH F.

Và không yêu cầu hủy Quyết định số: 1655/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của Ủy ban nhân dân huyện M, về việc công bố hoạt động bến khách ngang sông, cho phép Công ty Trách nhiệm Hữu hạn F hoạt động bến khách ngang sông cổ chiên (bến V) nên không xét.

[2.5] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.6] Về án phí sơ thẩm: Buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 144 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 209; 210; 468; 504; 584 và Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 24 và khoản 2 khoản 5 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn X.

1.1.Công nhận bến khách ngang sông V (bến V) tại ấp V, xã C, huyện M, tỉnh V (theo Quyết định số: 02/QĐ-SGTVT ngày 30/6/2004 của Sở giao thông vận tải tỉnh V) là tài sản chung của ông Nguyễn Văn X và ông Bùi Hữu M.

1.2 Buộc ông Bùi Hữu M có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn X số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Bùi Hữu M về việc ông Bùi Hữu M yêu cầu ông Nguyễn Văn X bồi thường thiệt hại tài sản số tiền 594.0000.000 đồng (năm trăm chín mươi bốn triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1 Ông Nguyễn Văn X được miễn tạm ứng án phí nên không có hoàn trả tạm ứng án phí.

3.2 Buộc ông Bùi Hữu M phải chịu số tiền 33.060.000 đồng (ba mươi ba triệu không trăm sáu chục ngàn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 13.880.000 đồng (mười ba triệu tám trăm tám chục ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007366 ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, như vậy buộc ông Bùi Hữu M còn phải nộp tiếp số tiền còn lại là 19.180.000 đồng (mười chín triệu một trăm tám chục đồng).

Trường hợp bản án, quyết định, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được qui định theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh V;
-VKSND huyện M;
- Chi cụcTHADS huyện M;
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Tấn Đồng